



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

HAIPHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng - Việt Nam * Email: dnc@diennuochp.com.vn
Hotline: 1800588882 * ĐT: 0225.3856 209 * Fax: 0225.3785759 * Website: www.diennuochp.com.vn * Mã chứng khoán: DNC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG NĂM BÁO CÁO 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- TÊN GIAO DỊCH: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**
- TÊN VIẾT TẮT: **DNC.HP**
- GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ: 0200155561 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 20/8/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 15.
- VỐN ĐIỀU LỆ: **64.222.580.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)
- VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: **64.222.580.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi bốn tỷ hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)
- ĐỊA CHỈ: Số 34 đường Thiên Lô, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
- ĐIỆN THOẠI: (84-0225) 3.856.209
- FAX: (84-0225) 3.785.759
- WEBSITE: www.diennuochp.com.vn
- MÃ CHỨNG KHOÁN: **DNC** (Cổ phiếu phổ thông)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/10/2005 và thay đổi đăng ký lần thứ 15 vào ngày 20/8/2022, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trong 03 lĩnh vực chính là:

- Truyền tải và phân phối bán lẻ điện
- Khai thác, xử lý và phân phối bán lẻ nước sạch
- Thi công xây lắp xây dựng các công trình điện, nước.

Địa điểm hoạt động của Công ty gồm:

➤ TRỤ SỞ CÔNG TY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

➤ XÍ NGHIỆP ĐIỆN AN DƯƠNG

Địa chỉ: Xã An Đông, huyện An Dương, TP.Hải Phòng.

➤ **XÍ NGHIỆP ĐIỆN VĨNH BẢO**

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng.

➤ **XÍ NGHIỆP ĐIỆN THỦY NGUYÊN**

Địa chỉ: Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

➤ **CHI NHÁNH HẠ LONG**

Địa chỉ: ki- ốt C 238 khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

➤ **CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Minh Anh Plaza, số 76-80 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

➤ **CHI NHÁNH HƯNG YÊN**

Địa chỉ: Tầng 1 tòa nhà A3 khu đô thị Thương Mại Du lịch Văn Giang, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niêm yết, được chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%.

3.1. Mô hình quản trị

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- + Ban Tổng Giám đốc

3.2. Bộ máy quản lý

- Phòng Kinh doanh: Thực hiện các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ đầu vào và quản lý, theo dõi các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phát triển, mở rộng khách hàng và phạm vi cung cấp. Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Phòng Kỹ thuật an toàn: Thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn về kỹ thuật, phối kết hợp cùng với các xí nghiệp điện và chi nhánh đảm bảo kỹ thuật về điện, an toàn điện và phòng chống quá tải, tổn thất điện năng...
- Phòng Tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phòng Tổ chức hành chính: Quản lý Hành chính, Tổ chức, Lao động, Tiền lương.
- Phòng Công nghệ và chăm sóc khách hàng: Quản lý Công nghệ toàn Công ty và các dịch vụ chăm sóc khách hàng.
- Các Xí nghiệp trực thuộc: thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
- Các Chi nhánh: hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2023

4.1.1. Các chỉ tiêu kinh tế

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng (KWh) / (m ³)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ lệ tổn thất (%)
I	Tổng doanh thu (Triệu đồng)		775.000	
1	Kinh doanh Điện	329.540.000	752.000	4,0%
1.1	XN điện An Dương	135.380.000	303.800	4,6%
1.2	XN điện Thủy Nguyên	54.000.000	112.400	5,1%
1.3	XN điện Vĩnh Bảo	46.260.000	92.000	4,8%
1.4	CN Hạ Long	11.000.000	31.000	5,4%
1.5	CN Eco Hải Dương	7.400.000	18.800	2,2%
1.6	CN Eco Hưng Yên	73.000.000	178.000	1,6%
1.7	Tiếp nhận các Dự án mới	2.500	16.000	
2	Kinh doanh nước			5,00%
-	Các khu đô thị - XN An Dương	785.000	11.500	5,00%
-	CN Hạ Long			
3	Doanh thu khác		11.500	
IV	Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)		40,5	
VI	Các khoản nộp NSNN (Tỷ đồng)		17,5	
VII	Tỷ lệ chia cổ tức - Tiền mặt:		≥ 20%	
VIII	Lương bình quân (tr.đ/ng/tháng)		12,6	

4.1.2. Triển khai các dự án đầu tư

- Đầu tư xây dựng các trạm biến áp trên địa bàn các xã, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện khách hàng, chất lượng điện năng cung cấp
- Xây dựng mới 10 TBA với tổng công suất là 5.600 KVA.
 - Nâng công suất máy biến áp:
- Nâng công suất TBA: 01 TBA (tài sản Công ty), 03 TBA (là tài sản của Điện lực).
 - Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế để san tải các TBA và chống quá tải.
- Cải tạo, thay mới, bổ sung kéo dây đường trục chống quá tải tương đương 23,5 km.
- Thay thế, di chuyển, trồng mới hơn 300 cột điện BTLT đảm bảo an toàn và phục vụ chương trình nông thôn mới của các địa phương.
- Ngoài ra, Công ty bắt đầu triển khai thay thế, lắp đặt đồng bộ hệ thống công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa tại một số địa bàn Khu đô thị mới (1 phần Khu đô thị Ecopark Hưng Yên; Khu dân cư Tỉnh Hải, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng) từ quý IV năm 2022. Kế hoạch đến 31/12/2026, chuyển đổi hoàn sang quản lý bằng công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa trên tất cả các địa bàn quản lý của Công ty.
 - Phát triển khách hàng mới
- Tiếp nhận số lượng khách hàng mới dự kiến: 6.000 khách hàng
- Tiếp cận các dự án nhà ở, các khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng để tiếp nhận quản lý, khai thác kinh doanh điện, nước.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn (2023-2027)**

Chỉ tiêu	Năm				
	2023	2024	2025	2026	2027
1. Vốn điều lệ	64,2	64,2	80,3	100	100
2. Doanh thu	809	971	915	1.100	1.200
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	36	39	39,5	44	45
4. Lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	12,4	13,4	14	14,8	15,6
5. Tỷ lệ trả cổ tức	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%

➤ **Mục tiêu**

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy tối ưu nguồn lực sẵn có để duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 12 - 15%.

- Tập trung củng cố, phát triển lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là lĩnh vực kinh doanh điện, nước. Đầu tư cải tạo, ổn định hệ thống lưới điện, nước phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, thực hiện các chương trình tiết kiệm trong quản lý, phân phối và bán lẻ điện, nước.
- Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Đảm bảo an sinh xã hội trên các địa bàn kinh doanh.

➤ **Kế hoạch triển khai các dự án đầu tư**

- Phát triển thị trường kinh doanh điện, nước, phát triển khách hàng tại các tỉnh, thành phố có địa bàn đang quản lý và các tỉnh thành phố khác trên cả nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

Cơ cấu tổ chức lao động hiện nay do đặc thù kinh doanh Công ty bố trí, sắp xếp bao gồm: 03 Xí nghiệp điện, 03 Chi nhánh, Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật an toàn, Phòng Tài chính, Phòng Tổ chức hành chính và Phòng Công nghệ và chăm sóc khách hàng với tổng số lao động hiện nay 153 người.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu bán hàng: 658.676.029.032 đồng, tăng 116% so với năm 2021.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 36.811.075.493 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 36.807.829.114 đ
- Sản lượng điện tiêu thụ năm 2022: 289.557.749KWh, tăng 113,6% so với năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

- Tổng giám đốc: Lê Hữu Cảnh - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 796.843 CP
- Kế toán trưởng: Mai Thị Thanh Hà - số cổ phần nắm giữ: 37.500 CP
- Phó tổng giám đốc: Nguyễn Văn Thao số cổ phần nắm giữ: 78.160 CP

2.2. Số lượng lao động và chính sách với người lao động

- Số lượng cán bộ công nhân viên: 153 người, trong đó:
 - + Trình độ đại học và trên đại học: 52 người
 - + Cao đẳng, trung cấp: 45 người
 - + Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông: 56 người

- Thực hiện đúng, đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động:
 - + Thực hiện chi trả tiền lương, thưởng kịp thời đúng chế độ.
 - + Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.
 - + Cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hàng năm.
 - + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.
 - + Tổ chức ngày hội gia đình truyền thống, khen thưởng biểu dương các gia đình tiêu biểu và con em CBCNV có thành tích học tập xuất sắc.
 - + Tổ chức tham quan du lịch cho tất cả CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Thực hiện đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống tài sản

a. Xây dựng mới

Công ty đầu tư xây dựng xây dựng đường dây trung thế và 16 TBA tổng công suất 10.810 KVA trong đó:

- XN điện An Dương 08 TBA.
- XN điện Thủy Nguyên 04 TBA.
- XN điện Vĩnh Bảo 04 TBA.

b. Nâng công suất các TBA

Thực hiện nâng công suất 13 TBA, tăng thêm 2.020KVA. Trong đó:

- Các TBA là tài sản của Công ty: 06 trạm biến áp
- Các TBA là tài sản của Điện lực 07 trạm biến áp.

c. Lắp phát sinh, thay định kỳ công tơ đo đếm

- Khách hàng đăng ký sử dụng điện, nước: 7.331 khách hàng.
- Số lượng thay, kiểm định công tơ điện đến hạn tại các đơn vị là: 11.098 công tơ

d. Đầu tư xây dựng, sửa chữa văn phòng các đơn vị

- Xây dựng mới Văn phòng làm việc của Xí nghiệp Vĩnh Bảo tại xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo.
- Sửa chữa mở rộng Kios C237 cho Chi nhánh Hạ Long; cải tạo Văn phòng làm việc của Ban QL điện xã Trấn Dương, Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo; sửa sang Văn phòng làm việc của Xí nghiệp Thủy Nguyên.

3.2. Mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh điện, nước

- Tiếp nhận quản lý hệ thống điện, nước tại Dự án Khu nhà ở xã hội, xã An Đồng, huyện An Dương, TP.Hải Phòng.
- Dự án Khu Trung tâm Thương mại và dự án chợ Núi đèo thuộc huyện Thủy Nguyên.

- Khu dân cư Tỉnh Hải, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh, TP.Hải Phòng.
- Khu TĐC Bắc Sông Cấm giai đoạn 2, huyện Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng.

3.3. Tổng số tài sản lưới điện

- Số lượng 305 trạm biếp áp với tổng công suất TBA: 221.320kVA

Trong đó: 72 TBA là tài sản Công ty đầu tư, 132 TBA tiếp nhận từ các dự án và 101 TBA là tài sản của các Điện lực.

3.4. Số khách hàng sử dụng điện, nước : hơn 80.000 khách hàng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, tình hình Tài chính của Công ty thể hiện như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	113.864	122.385	7,5%
2	Doanh thu thuần	567.630	658.676	16%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.203	36.811	14,3%
4	Lợi nhuận khác	1.178	-3	
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	33.381	36.807	10,2%
6	Lợi nhuận sau thuế	26.319	29.194	10,9%
7	Tỷ lệ trả cổ tức tiền mặt	25%	≥20%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,20	2,2
	Hệ số thanh toán nhanh	1,56	1,9
	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
2	Hệ số nợ/Tổng tài sản	26,6%	22,3%
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	36,3%	28,7%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		

	Vòng quay vốn lưu động	8,45	10
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,99	5,38
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	4,64%	4,43%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	31,53%	30,72%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	23,11%	23,85%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	5,7%	5,59%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.422.258 cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: 6.422.258 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 14/10/2022, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng số cổ đông	138	6.422.258	100%
2	Cổ đông lớn	5	4.843.888	75,4%
3	Cổ đông trong nước	128	6.401.563	99,7%
4	Cổ đông nước ngoài	10	20.695	0,3%
5	Cổ đông tổ chức trong nước	1	411.703	6,4%
6	Cổ đông tổ chức nước ngoài	5	12.568	0,19%

5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu*: có thay đổi do Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (25%).

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không có

5.5. *Các chứng khoán khác*: có (199.800 CP ngân hàng Vietinbank; 372.150 CP Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022, vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng Công ty cũng đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đã đề ra đó là:

- Đảm bảo mức tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ.
- Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, cán bộ công nhân viên trong nội bộ đoàn kết cao.
- Công tác kinh doanh điện mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt mặc dù tình hình COVID 19 diễn biến phức tạp, giảm đáng kể tỷ lệ tổn thất điện năng toàn Công ty.
- Chuyển đổi Tổng đài chăm sóc khách hàng từ số 1800 588882 sang số 1900 588802 và phân chia tiếp nhận thông tin hợp lý, giải đáp thắc mắc của khách hàng kịp thời. Trong năm không có đơn từ khiếu nại.
- Chuyển đổi từ mô hình Website truyền thống sang mô hình Cổng thông tin điện tử và triển khai dịch vụ điện trực tuyến, thanh toán trực tuyến tạo nhiều thuận lợi cho khách hàng.
- Chuyển đổi từ công tơ cơ sang công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa.
- Mở rộng thị trường, tiếp nhận thêm dự án trên địa bàn và mở rộng sang các tỉnh lân cận.
- Công tác đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo lưới điện thực hiện thường xuyên đảm bảo cung cấp chất lượng điện tốt nhất phục vụ khách hàng.
- Công tác đóng góp cho xã hội cũng được lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Phân tích tình hình tài sản

Năm 2022 tình hình Tài chính của Công ty đảm bảo ổn định, không phát sinh nợ xấu.

2.2. Phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán

Với tính chất và ngành nghề kinh doanh ổn định, do đó khả năng sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn trong trạng thái tốt, năm sau cao hơn năm trước.

Khả năng thanh toán nhanh và rất được đảm bảo.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty về hoạt động của ban giám đốc Công ty

- Thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chấp hành đầy đủ mọi qui định yêu cầu về quản trị Công ty và công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan chức năng.

- Hội đồng quản trị ban hành các quy chế nội bộ, quy định theo pháp luật Nhà nước đúng theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đầy đủ hoạt động của Ban tổng giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch SXKD hàng năm để đảm bảo các quyết định về hoạt động Công ty tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như qui định pháp luật.
- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc xem xét từng vấn đề và yêu cầu Ban điều hành phải chủ động tích cực mở rộng quan hệ tìm kiếm thị trường mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh điện trong thành phố Hải Phòng. 02 khu dự án Ecopark tại Hải Dương và Hưng Yên, xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh, kiểm soát chặt các khoản mục chi phí... nâng cao trách nhiệm và khả năng quản lý đạt hiệu quả và an toàn sản xuất.
- Năm 2022, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đề ra, tạo việc làm ổn định cho người lao động và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.
- HĐQT giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành.
- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt và các cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học trong và ngoài Công ty. Áp dụng những phương pháp quản trị hiện đại; thực hiện tốt việc giám sát và chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chú trọng công tác đầu tư, cải tạo, sửa chữa nâng cấp hệ thống lưới điện Công ty, công tác chăm sóc khách hàng và công tác chuyển đổi số.
- Định hướng phát triển các địa bàn kinh doanh trong và ngoài thành phố.
- Cam kết bảo toàn, phát triển vốn và đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý của Công ty, phân cấp cụ thể đối với từng bộ phận và cá nhân nhằm nâng cao vai trò chủ động, phát huy tối đa mọi nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường sự kiểm tra, giám sát các hoạt động của từng bộ phận để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, tìm biện pháp xử lý và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh sát với thực tiễn.- Thất chặt các biện pháp quản lý để kiểm soát chi phí ở mức tiết kiệm nhất.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành phần

- Ông Đỗ Huy Đạt sinh năm 1958 - Chủ tịch HĐQT
Cổ phần sở hữu: 1.594.816 cổ phần
- Ông Lê Hữu Cảnh sinh năm 1964 - Ủy viên HĐQT- Tổng giám đốc.
Cổ phần sở hữu: 796.843 cổ phần
- Ông Nguyễn Trung Kiên sinh năm 1961 - Ủy viên HĐQT – TB. KTNB
Cổ phần sở hữu: 1.596.918 cổ phần
- Ông Tạ Văn Sơn sinh năm 1960 - Ủy viên HĐQT, Chủ tịch UBKT
Cổ phần sở hữu: 29.646 cổ phần.
- Bà Vũ Thị Lương Dung sinh năm 1975 - Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD
Cổ phần sở hữu: 213.340 cổ phần
- Bà Lại Thị Vinh sinh năm 1965 - Ủy viên HĐQT
Cổ phần sở hữu: 48.872 cổ phần

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành 05 phiên họp với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban Kiểm toán để triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với các nội dung cụ thể như sau:

a. Phiên họp lần thứ 1 (ngày 22/01/2022) thảo luận các nội dung gồm:

- Báo cáo kết quả SXKD, Tài chính Quý IV năm 2021 và cả năm 2021: Ông Nguyễn Văn Thao – Phó TGD và bà Mai Thị Thanh Hà – Kế toán trưởng trình bày;
- Xem xét kế hoạch SXKD Quý I năm 2022 và cả năm 2022:
 - + Doanh thu tăng 119% so với năm 2021
 - + Đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện: xây dựng 16 TBA
 - + Phát triển khách hàng mới: 2.500 khách hàng
 - + Tập trung chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số
 - + Kế hoạch nguồn vốn đầu tư: dự kiến 21 tỷ đồng

- Báo cáo kết quả khắc phục tồn tại theo kết quả đã kiểm toán tại XN An Dương. Thông qua kế hoạch kiểm toán năm 2022: Ông Nguyễn Trung Kiên – TV HĐQT – Trưởng ban KTNB trình bày.

- Xem xét dự án 34 Thiên Lôi: chuyển đổi mục đích sử dụng xây dựng nhà ở thương mại thép Phương án đã thống nhất.

- Xem xét, điều chỉnh, bổ sung lương đối với cán bộ quản lý Công ty;

- Xét bổ nhiệm lại Giám đốc CN Ecopark Hưng Yên.

b. Phiên họp lần thứ 2 (ngày 05/3/2022) xem xét thông qua Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2021; Kế hoạch SXKD năm 2022; Báo cáo tài chính năm 2021.

- Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2021, định hướng nhiệm vụ năm 2022.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022.

- Dự thảo chương trình, Quy chế ĐHCĐ thường niên năm 2022.

- Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021.

- Báo cáo quyết toán thù lao cho HĐQT, Ủy ban kiểm toán năm 2021 và phương án trả thù lao HĐQT năm 2022.

- Báo cáo việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

- Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Điện nước lắp máy Hải Phòng.

- Kế hoạch nguồn vốn đầu tư: dự kiến 30 tỷ đồng.

- Công ty hỗ trợ kinh phí cho CBCNV tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn:

+ Tốt nghiệp loại Giỏi trở lên: hỗ trợ 100% kinh phí

+ Tốt nghiệp loại Khá trở lên: hỗ trợ 70% kinh phí

+ Tốt nghiệp: hỗ trợ 50% kinh phí

Cam kết làm việc cho Công ty tối thiểu 5 năm tính từ khi có văn bằng tốt nghiệp.

c. Phiên họp lần thứ 3 (ngày 07/05/2022) với các nội dung:

- Báo cáo kết quả SXKD quý I

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 133.053 triệu đồng

+ Tỷ lệ tổn thất điện năng : 4,3%

+ Tỷ lệ tổn thất nước : 4,8%

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính Quý I năm 2022

+ Lợi nhuận trước thuế: 7.467 triệu đồng

- + Lợi nhuận sau thuế: 5.973 triệu đồng
- Kế hoạch Quý II năm 2022
 - + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 163.000 triệu đồng
 - + Tỷ lệ tổn thất điện năng : 4,3%
 - + Tỷ lệ tổn thất nước : 4,9%
 - + Thi công xây dựng, nghiệm thu đóng điện 11 TBA.
 - + Thay thế, bổ sung hệ thống dây đường trục quá tải: 6.500 m
- Xem xét xây dựng Quy tắc ứng xử văn hóa DNC.
- Mua xe ô tô Mercedes 5 chỗ thực hiện trong Quý II,III năm 2022.
- Tổ chức Ngày hội Gia đình DNC 2022 và kế hoạch tham quan du lịch tại Hàn Quốc cho CBCNV Công ty trong Quý III năm 2022.

d. Phiên họp lần thứ 4 (ngày 23/7/2022) với các nội dung:

- Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính Quý II năm 2022
 - + Doanh thu: 153.433 Triệu đồng
 - + Tỷ lệ tổn thất điện năng: 4,12 %.
 - + Tỷ lệ tổn thất nước sạch: 8,5 %
 - + Lợi nhuận trước thuế: 8.426 triệu đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 6.741 triệu đồng
- Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022
 - + Doanh thu: 286.476 Triệu đồng
 - + Tỷ lệ tổn thất điện năng: 4,19 %.
 - + Tỷ lệ tổn thất nước sạch: 6,87 %
 - + Lợi nhuận trước thuế: 15.894 triệu đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 12.715 triệu đồng
 - + Nghiệm thu đóng điện 6 TBA. Triển khai thi công 05TBA. Nâng công suất 02 TBA
 - + Bổ sung đường trục: 7.700m
- Kế hoạch SXKD Quý III năm 2022
 - + Doanh thu: 207.320 Triệu đồng
 - + Tỷ lệ tổn thất điện năng: 4,3 %.
 - + Tỷ lệ tổn thất nước sạch: 5,8 %
 - + Nghiệm thu đóng điện 05 TBA. Triển khai thi công 04 TBA. Nâng công suất 03 TBA là tài sản của Điện lực.

- + Bổ sung đường trục: 6.100 m
- Báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm 2022 và định hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 của UBKT và Ban KTNB
 - + Khắc phục tồn tại theo báo cáo kiểm toán tại CN Ecopark Hưng Yên.
 - + Tháng 9/2022, thực hiện hậu kiểm tra đối với XN An Dương và 03 Chi nhánh.
- Thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 10%.
- Quyết định tổ chức tham quan, du lịch học tập tại Hàn Quốc trong tháng 9, 10/2022 cho tất cả CBCNV DNC và DNH.
- Cử đoàn công tác gồm: ông Đỗ Huy Đạt, ông Nguyễn Trung Kiên, ông Lê Hữu Cảnh đi Anh Quốc trong tháng 10/2022.

e. Phiên họp lần thứ 5 (ngày 21/10/2022) thảo luận các nội dung:

- Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính Quý III năm 2022
 - + Doanh thu: 217.596 Triệu đồng
 - + Tỷ lệ tổn thất điện năng: 4,11 %.
 - + Tỷ lệ tổn thất nước sạch: 2,2 %
 - + Lợi nhuận trước thuế: 15.239 triệu đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 12.085 triệu đồng
- Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2022
 - + Doanh thu: 504.082 Triệu đồng
 - + Tỷ lệ tổn thất điện năng: 4,16 %.
 - + Tỷ lệ tổn thất nước sạch: 4,94 %
 - + Lợi nhuận trước thuế: 31.133 triệu đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 24.720 triệu đồng
 - + Nghiệm thu đóng điện 04 TBA. Triển khai thi công 03 TBA.
 - + Bổ sung đường trục: 7.200m
- Kế hoạch SXKD Quý IV năm 2022
 - + Doanh thu: 155.090 Triệu đồng
 - + Tỷ lệ tổn thất điện năng: 4,26 %.
 - + Tỷ lệ tổn thất nước sạch: 5,0 %
 - + Nghiệm thu đóng điện 04 TBA. Triển khai thi công 02 TBA. Nâng công suất 03 TBA là tài sản của Điện lực tại Vĩnh Bảo.
 - + Bổ sung đường trục: 5.600 m
- Kế hoạch SXKD năm 2023

- + Doanh thu: 800.000 Triệu đồng
- + Tỷ lệ tổn thất điện năng: 4,0 %.
- + Tỷ lệ tổn thất nước sạch: 5,0 %
- + Lợi nhuận trước thuế: 39.500 triệu đồng
- + Tỷ lệ chia cổ tức: tiền mặt \geq 20%
- + Lương bình quân: 12.500.000đ/người/tháng
- + Xây dựng mới 10 TBA. Nâng công suất 03 TBA là tài sản của Điện lực và 01 TBA là tài sản của Công ty
- + Bổ sung đường trục: 23.500 m
- + Thay thế, kiểm định công tơ đến hạn số lượng 15.000 chiếc bằng công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa.
- + Phát triển khách hàng điện, nước mới: 2.500 khách hàng
- Kế hoạch nguồn vốn dự kiến: 28,5 tỷ đồng.
- Tập trung cho công tác chăm sóc khách hàng và chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý kinh doanh và khách hàng.
- Xây dựng phương án chuyển đổi công tơ điện tử truyền dữ liệu từ xa và phần mềm quản lý kinh doanh điện với đơn vị cung cấp: Trung tâm sản xuất thiết bị đo điện tử - Điện lực Miền Trung – CPCEMEC.
- Giao Tổng giám đốc trang bị phần mềm Văn phòng điện tử, phần mềm Quyết toán thuế TNCN thực hiện trong tháng 11/2022.
- Báo cáo hoạt của UBKT và Ban KTNB :
 - + Thông qua báo cáo kiểm toán nội bộ tại XN Thủy Nguyên
 - + Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023.
- Thông qua công tác tổ chức cán bộ năm 2023
 - + Thành lập Phòng Công nghệ và chăm sóc khách hàng.
 - + Bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh.
- Thông qua các công việc chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

2. Ủy Ban Kiểm toán

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Tạ Văn Sơn	Thành viên HĐQT - Chủ tịch UBKT (từ tháng 4/2021)	29.646 CP chiếm 0,46 %

2	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT- Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (từ tháng 4/2021)	1.596.918 CP chiếm 24,87 %
---	-------------------	--	-------------------------------

2.2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

2.2.1. Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2022

Trong năm 2022, Ủy ban kiểm toán đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ủy ban kiểm toán đã thực hiện công tác theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình thông qua các hoạt động chính sau đây:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT năm 2022.
- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa niên độ và cả năm 2022.
- Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
- Thường xuyên nắm tình hình, giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;
- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

2.2.2. Năm 2022, Ủy ban kiểm toán tổ chức 2 cuộc họp:

a. Ngày 23/7/2022, Ủy ban kiểm toán đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán 6 tháng đầu năm 2022;
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD, Cán bộ quản lý
3. Kết quả rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro,
4. Đánh giá tình hình việc Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty
5. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty
6. Sự phối hợp giữa UBKT với HĐQT, BTGD và Cổ đông
7. Một số nhận xét và kiến nghị
8. Kế hoạch làm việc của UBKT 6 tháng cuối năm 2022.

b. Ngày 21/10/2022, Ủy ban kiểm toán đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý;
3. Kết quả rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, đánh giá hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ
4. Đánh giá tình hình việc Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty
5. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2022;
6. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông;
7. Một số nhận xét và kiến nghị.

Kết quả của các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều diễn ra tại trụ sở của Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Các thành viên của Ủy ban kiểm toán đã tích cực nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất các nội dung của cuộc họp.

Kết thúc cuộc họp đều lập thành biên bản; ý kiến tán thành 2/2 chiếm tỷ lệ 100%.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm toán nội bộ:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm toán nội bộ

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, Thưởng Thù lao
1	Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch HĐQT	1.015.270.000
2	Lê Hữu Cảnh	Ủy viên HĐQT- Tổng GD	1.294.215.000
3	Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên HĐQT- TB KTNB	215.889.000
4	Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD	693.071.000
5	Tạ Văn Sơn	Ủy viên HĐQT-Chủ tịch UBKT	223.500.000
5	Lại Thị Vinh	Ủy viên HĐQT	178.500.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên ban kiểm toán nội bộ	478.351.862
7	Dương Thị Thùy Linh	Ủy viên ban kiểm toán nội bộ	114.000.000
8	Nguyễn Văn Thao	Phó TGD Công ty	769.646.000
9	Mai Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	626.783.192
	Tổng		5.609.226.054

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: có

3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Để từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị Công ty:

- Xây dựng, ban hành các hệ thống quản lý, rà soát, bổ sung những nội dung của Quy định, quy chế không còn phù hợp.
- Giám sát chặt chẽ, kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh
- Các giải pháp, biện pháp để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh và hoàn thiện các mặt chưa đạt, còn thiếu và yếu.
- Chấp hành theo các Quy định của Nhà nước.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính : Việt Nam Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.006.387.560	67.148.619.193
I. Tiền	110	4	9.621.441.686	26.090.428.352
1. Tiền	111		9.621.441.686	26.090.428.352
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.205.101.951	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	24.248.653.686	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.043.551.735)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.689.629.514	30.890.466.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.031.763.290	6.887.323.280
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.553.686.603	3.957.207.724
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	100.000.000	15.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.454.319.397	5.396.075.518
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(450.139.776)	(450.139.776)

IV. Hàng tồn kho	140	11	9.821.541.911	9.336.320.182
1. Hàng tồn kho	141		10.007.634.270	9.336.320.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(186.092.359)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.668.672.498	831.403.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	2.625.967.952	831.403.913
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.469.546	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	6.235.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.378.721.062	46.715.433.940
I. Tài sản cố định	220		46.414.274.836	36.320.742.298
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	45.639.580.943	35.891.048.377
- Nguyên giá	222		111.124.122.662	95.513.425.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.484.541.719)	(59.622.377.453)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	774.693.893	429.693.921
- Nguyên giá	228		1.095.000.000	625.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(320.306.107)	(195.306.079)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	4.830.129.116	4.358.575.543
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.830.129.116	4.358.575.543
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	3.695.706.467	3.714.332.759
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(304.293.533)	(285.667.241)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.438.610.643	2.321.783.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.438.610.643	2.321.783.340
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		122.385.108.622	113.864.053.133
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		27.346.133.111	30.384.996.121

I. Nợ ngắn hạn	310		27.346.133.111	30.384.996.121
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	6.207.325.474	3.822.015.285
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		164.068.428	50.552.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.366.566.814	3.066.870.194
4. Phải trả người lao động	314		669.244.333	653.245.408
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.729.723.674	4.108.802.945
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		97.195.752	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	3.163.944.844	3.458.286.940
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	11.850.000.000	12.420.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.098.063.792	2.805.223.161
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.038.975.511	83.479.057.012
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	95.038.975.511	83.479.057.012
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.222.580.000	51.378.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.222.580.000	51.378.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.595.168.317	30.879.329.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		400.752.756	9.698.061.079
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		29.194.415.561	21.181.268.739
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		122.385.108.622	113.864.053.133

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính : Việt Nam Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		658.676.029.032	567.630.676.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	658.676.029.032	567.630.676.354
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	601.355.946.982	521.290.448.160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		57.320.082.050	46.340.228.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.310.720.055	1.369.243.257
7. Chi phí tài chính	22	26	3.857.992.810	1.029.983.692
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		795.814.783	810.626.390
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	17.961.733.802	14.476.287.476
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		36.811.075.493	32.203.200.283
10. Thu nhập khác	31		1.948.722	1.259.317.465
11. Chi phí khác	32		5.195.101	80.554.966
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.246.379)	1.178.762.499
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.807.829.114	33.381.962.782
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	7.613.413.553	7.062.844.043
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		29.194.415.561	26.319.118.739
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.546	3.552

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính : Việt Nam Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.807.829.114	33.381.962.782
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.987.164.294	5.226.117.261
- Các khoản dự phòng	03	3.248.270.386	219.357.302
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.310.720.055)	(1.369.243.257)
- Chi phí lãi vay	06	795.814.783	810.626.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.528.358.522	38.268.820.478
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(3.503.922.109)	3.772.794.843
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(671.314.088)	(1.391.071.866)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	91.946.266	504.827.173
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(4.911.391.342)	(162.220.314)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(24.248.653.686)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(792.116.152)	(793.366.116)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.821.128.351)	(6.491.350.833)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.212.623.431)	(300.999.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.540.844.371)	33.407.433.929
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.201.884.145)	(5.406.259.644)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(47.500.000.000)	(63.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	62.500.000.000	48.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.972.774.850	701.928.340

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	770.890.705	(19.704.331.304)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	60.150.000.000	62.220.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(60.720.000.000)	(62.390.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.129.033.000)	(10.275.700.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(14.699.033.000)	(10.445.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(16.468.986.666)	3.257.402.625
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.090.428.352	22.833.025.727
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	9.621.441.686	26.090.428.352

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CP ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG



CHỦ TỊCH HĐQT

Dỗ Huy Đạt